

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 820/2020/DS-PT

Ngày: 28-8-2020

V/v Yêu cầu huỷ thoả thuận phân chia
di sản và tranh chấp tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Sang**

Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Giang**

Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 210/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “Yêu cầu huỷ thoả thuận phân chia di sản và tranh chấp tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4228/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1940; Cư trú tại: 19 Đường Y, Khu phố F, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Huỳnh Tiến S**, sinh năm 1960; Cư trú tại: 81/8 Quốc lộ 1K, Khu phố B, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng A ngày 12/11/2019 tại Văn phòng Công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1966 – Là Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật

sur Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú tại: 250 Đường C, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt khi tuyên án).

Bị đơn: Ông **Bùi Văn S1**, sinh năm 1965; Cư trú tại: 21 Đường Y, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Mai Trung Đ**, sinh năm 1986; Cư trú tại: 179 Đường N, Khu phố 3, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng A ngày 14/5/2020 tại Phòng Công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1961; Cư trú tại: Số 23 Đường Y, Khu phố 6, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963; Cư trú tại: Số 19 Đường Y, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1968;

- Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1970;

- Ông **Bùi Xuân H1**, sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: 19 Đường Y, Khu phố F, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1972; Cư trú tại: 1142 Đường Tỉnh lộ V, Khu phố 1, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Bùi Thị H2**, sinh năm 1974; Cư trú tại: 1231/21/12, Đường Tỉnh lộ 43, Khu phố B, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1958; Cư trú tại: 6/2 Đường Y, Khu phố 6, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Bùi Thị Tuyết L1**, sinh năm 1979; Cư trú tại: 02 Lô A, Khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ1, bà T, bà H, ông H, bà L1, ông P, bà H1, bà N; Ông **Huỳnh Tiến S**, sinh năm 1960; Cư trú tại: 81/8 Quốc lộ 1K, Khu phố B, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng C ngày 17/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Đông Thành Phố, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có ông Huỳnh Tiến S là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Văn Đ2 là vợ chồng, chung sống với nhau có 10 người con tên là Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị T, Bùi Thị H, Bùi Thị L, Bùi Văn P, Bùi Thị H2, Bùi Xuân H1, Bùi Thị N, Bùi Thị Tuyết L1, Bùi Văn S1. Căn nhà số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 833 m² đất mà căn nhà tọa lạc là tài sản chung của ông Bùi Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị N. Nhà đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70103030508 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004, hồ sơ gốc số 495/2004 đứng tên ông Bùi Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N.

Năm 2012, ông Bùi Văn Đ2 chết không lập di chúc đối với nhà đất tại số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ông Bùi Văn Đ2 chết, bà Nguyễn Thị N cùng tất cả các con đường N phần di sản của ông Bùi Văn Đ2 là $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để lại cho bà Nguyễn Thị N và người con tên Bùi Văn S1 cùng sở hữu. Bà Nguyễn Thị N và các con đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014, văn bản này đã được Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng cùng ngày. Hiện tại phần di sản của ông Bùi Văn Đ2 đã được cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị N và Bùi Văn S1, việc cập nhật chỉ thể hiện trên giấy tờ, thực tế không có phân ranh cắm mốc.

Lý do mà bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 là vì trước khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014, bà Nguyễn Thị N và các con trong đó có ông Bùi Văn S1 đã thỏa thuận khi bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Văn S1 cùng đứng tên sở hữu đối với phần di sản của ông Bùi Văn Đ2 thì bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn S1 sẽ làm thủ tục phân chia cho các anh chị em. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần yêu cầu ông Bùi Văn S1 thực hiện việc thỏa thuận trước đó nhưng ông Bùi Văn S1 không thực hiện. Do đó, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014. Đối với yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn S1 về việc yêu cầu chia phần tài sản chung mà bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Văn S1 (phần di sản của ông Bùi Văn Đ2) cùng sở hữu, bà Nguyễn Thị N không đồng ý.

Theo đơn phản tố, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Văn S1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Lâm P trình bày:

Về nội dung, quan hệ nhân thân, di sản và tài sản, ông Huỳnh Tiến S đại diện bà Nguyễn Thị N trình bày là đúng ông không có ý kiến trình bày thêm. Ông Đ2 diện ông Bùi Văn S1 không chấp nhận hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014. Vì văn bản trên được lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Văn bản được công chứng đúng trình tự thủ tục. Hiện tại phần di sản của ông Bùi Văn Đ2 tại địa chỉ nhà, đất số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn S1 theo quy định. Ông yêu cầu Tòa án chia phần tài sản chung giữa ông Bùi Văn S1 và bà Nguyễn Thị N cùng sở hữu tại địa chỉ nhà, đất số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Đ2 diện ông Bùi Văn S1 chỉ yêu cầu được chia 200m² đất trong phần tài sản chung giữa ông Bùi Văn S1 và bà Nguyễn Thị N tại địa chỉ nhà, đất số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Bùi Văn S1 sẽ hoàn giá trị xây dựng dãy phòng trọ hiện đang tồn tại trên phần đất 200 m² cho bà Nguyễn Thị N theo biên bản định giá ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N trình bày: Cha của các ông bà tên là Bùi Văn Đ2 và mẹ là Nguyễn Thị N. Cha mẹ chung sống với nhau có 10 người con là Bùi Văn S1, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị T, Bùi Thị H, Bùi Thị L, Bùi Văn P, Bùi Thị H2, Bùi Xuân H1, Bùi Thị Tuyết L1, Bùi Thị N. Căn nhà số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 833 m² đất mà căn nhà tọa lạc là tài sản của ông Bùi Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị N. Nhà, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Bùi Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị N. Cha của các ông bà chết vào năm 2012. Sau khi cha chết, ông Bùi Văn S1 đã có đơn tranh chấp thừa kế đối với phần di sản của cha là ông Bùi Văn Đ2. Sau đó các ông bà và mẹ là bà Nguyễn Thị N đã bàn bạc và đi đến đường N là phần di sản của ông Bùi Văn Đ2 là ½ căn nhà, đất tại số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để lại cho mẹ là bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Văn S1 sở hữu, khi hoàn tất thủ tục sang tên đăng bộ, ông Bùi Văn S1 sẽ chia đều lại cho các anh chị em. Sự thỏa thuận này không có lập thành văn bản. Sau khi đã đường N ông Bùi Văn S1 đã rút đơn nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án. Ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014, bà Nguyễn Thị N và tất cả các con đã đến Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh để lập giấy thỏa thuận phân chia di sản, văn bản đã được công chứng. Hồ sơ thủ tục đã hoàn tất nhưng gần 4 năm nay ông Bùi Văn S1 không đồng ý phân chia cho các anh chị em như đã thỏa

thuận. Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014, các ông bà đều có yêu cầu giống như yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Đối với việc ông Bùi Văn S1 yêu cầu chia tài sản chung theo nội dung đã nêu trong giấy thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 là chia $\frac{1}{2}$ căn nhà, đất tại số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả không đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu này của ông Bùi Văn S1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết L1 trình bày:
Cha của bà tên là ông Bùi Văn Đ2 và mẹ là Nguyễn Thị N. Cha của bà đã chết vào năm 2012. Cha mẹ của bà chung sống với nhau có 10 người con là Bùi Văn S1, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị T, Bùi Thị H, Bùi Thị L, Bùi Văn P, Bùi Thị H2, Bùi Xuân H1, Bùi Thị Tuyết L1 (là tôi), Bùi Thị N. Nay mẹ bà khởi kiện ông Bùi Văn S1 về việc yêu cầu Tòa án xử hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 cũng như việc ông Bùi Văn S1 yêu cầu chia tài sản chung của ông Bùi Văn S1 và bà Nguyễn Thị N. Bà không ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 2,3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 227, Điều 245; Điều 271, Điều 272, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 95 Luật đất đai năm 2015;

- Luật phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 được Phòng công chứng C công chứng ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014;

[2] Công nhận quyền sử dụng cho ông Bùi Văn S1 đối với phần đất có diện tích 200 m², vị trí khu đất được xác định là ô 11, ô 12, ô 13 được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 26 tháng 4 năm 2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70103030508

cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004, hồ sơ gốc số 495/2004 đứng tên ông Bùi Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N.

[3] Ghi nhận ông Bùi Văn S1 không tranh chấp các tài sản khác thuộc phần sở hữu chung của bà Nguyễn Thị N ông Bùi Văn S1 tại 1/2 căn nhà số 19, đường 62, ấp Đ, phường Đ, Quận B và 416,5 m²/833 m² đất mà căn nhà tọa lạc theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70103030508 cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004, hồ sơ gốc số 495/2004 đứng tên ông Bùi Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N.

[4]. Ông Bùi Văn S1 hoàn lại cho bà N số tiền 242.945.736 đồng, giá trị dãy nhà trọ có 6 phòng mà bà Nguyễn Thị N xây dựng. Việc hoàn tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Ông Bùi Văn S1 được quyền liên hệ với các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình (Bùi Văn S1) đối với phần đất có diện tích 200 m² đất, vị trí khu đất được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 26 tháng 4 năm 2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập theo quy định của pháp luật sau khi ông Bùi Văn S1 đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền cho bà Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày ông Bùi Văn S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng ông Bùi Văn S1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân

H1, bà Bùi Thị N không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Nguyễn Thành L và người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Tiến S trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cụ thể:

- Nguyên đơn yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 lập tại Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Di sản của ông Đ2 được thỏa thuận phân chia trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 lập tại Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 là nhà, đất tại số 19, đường số Y, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm ngày 17 và tháng 11 năm 2014, khi bà N và các con đến Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu Công chứng thỏa thuận phân chia thì nhà đất này còn đang trong tình trạng tranh chấp. Đến ngày 19/11/2014 ông Sang mới rút đơn kiện và được Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 132/2014/QĐDS-ST ngày 19/11/2014, đến ngày 28/11/2014 bà N và ông Sang nhận Quyết định đình chỉ thì được đóng dấu “Quyết định có hiệu lực thi hành”. Việc đóng dấu có hiệu lực của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng vì quyết định này chưa hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 lập tại Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 khi Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 132/2014/QĐDS-ST ngày 19/11/2014 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có hiệu lực nên vô hiệu. Do tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên không yêu cầu xem xét nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - là hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông Bùi Văn S1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Trung Đ trình bày:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng là vi phạm nên yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ. Vì tại phiên tòa sơ thẩm tất cả các đương sự đều xác nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được lập đúng quy định, bà N và các con tự nguyện ký Giấy thỏa thuận phân chia di sản không bị lừa dối hay bị ép buộc nên việc ký Giấy thỏa thuận phân chia di sản không bị vô hiệu. Do đó Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được xét xử và ban hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Tiến S* đường N với ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N do luật sư Nguyễn Thành L trình bày.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết L1* vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Về hình thức: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bà Bùi Thị Tuyết L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N kháng cáo yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 của Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng là vi phạm. Việc ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 khi Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 132/2014/QĐDS-ST ngày 19/11/2014 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có hiệu lực là vi phạm pháp luật.

[3.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng là vi phạm.

Xét, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 về nội dung và hình thức là do bà N và các con tự thỏa thuận, soạn thảo việc phân chia di sản của ông Đ2. Sau đó yêu cầu Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng. Tại phiên tòa các đương sự đều khai trình về trình tự và thủ tục ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày lý do yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 là vì trước khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản, bà N và các con trong đó có ông Sang đã thỏa thuận khi bà N và ông Sang cùng đứng tên sở hữu đối với phần di sản của ông Đ2 thì bà N, ông Sang sẽ làm thủ tục phân chia cho các anh chị em. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, bà N đã nhiều lần yêu cầu ông Sang thực hiện việc thỏa thuận trước đó nhưng ông Sang không thực hiện nên từ đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014.

Như vậy, việc bà N yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản là do ông Sang không thực hiện việc chia di sản như đã hứa, không phải là do Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Công chứng viên sai phạm nên không cần thiết phải đưa Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm không đưa Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng là không vi phạm.

[3.2] Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 ngày 17 và ngày 28 tháng 11 năm 2014 được lập khi Quyết định đình chỉ số 132/2014/QĐDS-ST của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có hiệu lực pháp luật nên vô hiệu.

Xét, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 ngày 17 và ngày 28 tháng 11 năm 2014 được lập trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc hoặc đe dọa, các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và được thực hiện niêm yết công khai nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Về trình tự thủ tục lập Văn bản thỏa thuận đúng quy định của Luật công chứng nên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 ngày 17 và ngày 28 tháng 11 năm 2014 đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.3] Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng Quyết định đình chỉ số 132/2014/QĐDS-ST của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 19/11/2014 đóng dấu có hiệu lực ngày 28/11/2014 là 9 ngày chưa hết thời gian kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên là vi phạm.

Xét, Quyết định đình chỉ số 132/2014/QĐDS-ST Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là của vụ án khác, đến nay các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Việc Quyết định đình chỉ này có vi phạm hay không là do Tòa án cấp có thẩm quyền xem xét, không thuộc phạm vi xem xét trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 33924 ngày 17 và ngày 28 tháng 11 năm 2014 là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2,

ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đẹp, bà T, bà H, bà L1, ông P, bà H1, ông Hòa, bà N không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo pháp luật quy định. Riêng bà N sinh năm 1940, bà N sinh năm 1958, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 245; Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 95 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 36 và Điều 37 của Luật công chứng năm 2006;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Xuân H1, bà Bùi Thị N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

[1.] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014 được Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 17 và 28 tháng 11 năm 2014.

[2.] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn S1:

[2.1] Công nhận quyền sử dụng cho ông Bùi Văn S1 đối với phần đất có diện tích 200 m², vị trí khu đất được xác định là ô 11, ô 12, ô 13 được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 26 tháng 4 năm 2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70103030508 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004, hồ sơ gốc số 495/2004 đứng tên ông Bùi Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N.

[2.2] Ghi nhận ông Bùi Văn S1 không tranh chấp các tài sản khác thuộc phần sở hữu chung của bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn S1 tại ½ căn nhà số 19, Đường 62, ấp Đ, phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và 416,5 m² đất/833 m² đất mà căn nhà tọa lạc theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70103030508 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 3 năm 2004, hồ sơ gốc số 495/2004 đứng tên ông Bùi Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N.

[2.3] Ông Bùi Văn S1 hoàn lại cho bà N số tiền 242.945.736 đồng, đây là số tiền mà bà Nguyễn Thị N xây dựng nhà trọ có 6 phòng. Việc hoàn tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Ông Bùi Văn S1 được quyền liên hệ với các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình (Bùi Văn S1) đối với phần đất có diện tích 200 m² đất, vị trí khu đất được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 26 tháng 4 năm 2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập theo quy định của pháp luật sau khi ông Bùi Văn S1 đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền cho bà Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày ông Bùi Văn S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng ông Bùi Văn S1 còn phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí. Ông Bùi Văn S1 được hoàn trả lại số tiền 21.000.000 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015836 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

[3.2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3.2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Bùi Văn P phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027304 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Xuân H1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027305 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027306 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027307 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027308 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027309 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị H2 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027310 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Đương sự;
- Lưu (T25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Sang